

THÔNG BÁO LÃI SUẤT CHO VAY NGẮN HẠN VND **NOTICE ON VND LENDING INTEREST RATES**

1. Cơ sở pháp lý/Legal background:

Thông Tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016/*Circular No.39/2016/TT-NHNN dated 30/12/2017*
Decision 1730/QĐ-NHNN ngày 30/09/2020/*Decision No.1730/QĐ-NHNN dated 30/09/2020*

2. Lãi suất cho vay VND/VND lending interest rate:

2.1 Lãi suất cho vay sẽ được Ngân Hàng và bên vay thỏa thuận, ngoại trừ trường hợp nêu tại Mục 2.2 dưới đây;

Lending interest rates shall be subject to mutual agreement between the Bank and borrowers, except for the cases mentioned in Item 2.2 below;

2.2 Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam sẽ không vượt quá 4.5%/năm, áp dụng cho các khách hàng vay sau đây:

Short-term VND lending interest rate shall not exceed 4.5% annum, for the following borrowers:

2.2.1 Khách hàng vay có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh:

Those with healthy and transparent financial status:

(i) Cung cấp đúng hạn và đầy đủ các báo cáo tài chính theo yêu cầu của Ngân Hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập.

Financial statements should be provided timely and in full upon the Bank's request, including annual financial report audited by an independent auditing firm;

(ii) Khách hàng vay không bị khoản lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh nào trong vòng 3 năm gần nhất;

The Borrower does not bear any consecutive operating loss within 3 latest years.

(iii) Đồng thời, khách hàng đạt chỉ số tài chính cơ bản, bao gồm (a) hệ số vốn tự có (vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn) $\geq 0.5x$; (b) hệ số nợ tài chính (tổng nợ tài chính/vốn chủ sở hữu) ≤ 1 và hệ số thanh toán hiện thời (Tổng tài sản hiện thời/Tổng nợ phải trả hiện thời) ≥ 1

At the same time, the Borrowers should meet basic financial covenants, including (a) equity ratio (equity/total assets) $\geq 0.5x$; (b) Financial debt ratio (Financial debt/Equity) ≤ 1 and current ratio (Total current assets/Total current liabilities) ≥ 1

Các tiêu chí trên có thể được Ngân Hàng xem xét và điều chỉnh tùy từng thời điểm phù hợp với chính sách cấp tín dụng và quy định pháp luật hiện hành.

The Bank can review and adjust the above mentioned at any time in correspondence with credit extension policy and effective regulations.

ĐỒNG THỜI/AT THE SAME TIME:

2.2.2 Khách hàng vay sử dụng vốn vay cho các mục đích sau:

Borrowers shall use the loans for the following purposes:

(i) Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (tham chiếu Nghị Định 55/2015/NĐ-CP,

sửa đổi ngày 07/9/2018 tại Nghị Định 116/2018/NĐ-CP và các văn bản liên quan, Quyết Định 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019);

To serve rural and agricultural developments under the Government's credit policies for the rural and agricultural developments (pls. refer to Decree No.55/2015/ND-CP which was revised in 07/9/2018 by Decree 116/2018/ND-CP, Decision 34/2019/QĐ-TTg dated 18/12/2019 and related documents);

- (ii) Thực hiện phương án kinh doanh hàng xuất khẩu theo quy định tại Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật thương mại;

To serve manufacturing and service projects or plans in relation to exported goods under the Law on Commerce and guidance thereof;

- (iii) Phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (tham chiếu Nghị Định 39/2018/NĐ-CP và các văn bản liên quan);

To serve the manufacture and service of small and medium enterprises under the Government's regulations on the developments of SMEs ((pls. refer to Decree No. 39/2018/ND-CP dated 11/03/2018 and guidance thereof);

Quy mô/ Size	Siêu nhỏ/Super small			Doanh nghiệp nhỏ/Small enterprises			Doanh nghiệp vừa/Medium enterprises		
	Số lao động/ No. of employees	Doanh thu năm liền kề/ Revenue of previous consecutive year	Tổng nguồn vốn/ Liabilities	Doanh thu năm liền kề/ Revenue of previous consecutive year	Tổng nguồn vốn/ Total liabilities	Số lao động/ No. of employees	Doanh thu năm liền kề/ Revenue of previous consecutive year	Tổng nguồn vốn/ Total liabilities	Số lao động/ No. of employees
Khu vực /Area									
Nông, lâm và thủy sản/ Agriculture, forestry and aquaculture	≤ 10	≤ VND 03 bil	≤ VND 03 bil	≤ VND 50 bil	≤ VND 20 bil	10 < x ≤ 100	≤ VND 200 bil	VND 20 bil < x ≤ VND 100 bil	100 < x ≤ 200
Công nghiệp và xây dựng/ Industry and construction	≤ 10	≤ VND 03 bil	≤ VND 03 bil	≤ VND 50 bil	≤ VND 20 bil	10 < x ≤ 100	≤ VND 200 bil	VND 20 bil < x ≤ VND 100 bil	100 < x ≤ 200
Thương mại và dịch vụ/ Trading and service	≤ 10	≤ VND 10 bil	≤ VND 03 bil	≤ VND 100 bil	≤ VND 50 bil	10 < x ≤ 50	≤ VND 300 bil	VND 50 bil < x ≤ VND 100 bil	50 < x ≤ 100

- (iv) Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (tham chiếu Nghị Định 111/2015/NĐ-CP và các văn bản liên quan)

To develop supportive industries under the Government's policies on the development of supportive industries (pls. refer to Decree No. 111/2015/ND-CP and guidance thereof).

- (v) Phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Luật công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật công nghệ cao (Quyết Định 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014, sửa đổi ngày 28/4/2017 tại Quyết Định 13/2017/QĐ-TTg, Quyết Định 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 và các văn bản liên quan).

To serve manufacture-business of enterprises which apply high technology under the Law on High Technology and other relevant legal regulations (Decision No.66/2014/QĐ-TTg dated 25/11/2014, amended on 28/4/2017 in Decision 13/2017/QĐ-TTg, Decision 34/2019/QĐ-TTg dated 18/12/2019 and relevant documents).

3. Thực hiện/Implementation

Quy trình này có hiệu lực kể 01/10/2020/The procedures take effect from 01/10/2020



TP HCM, ngày 01/10/2020

Tổng Giám Đốc/Branch General Manager

CHEN CHING CHUAN